

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG ĐỐI VỚI TƯ TƯỞNG VÀ ĐẠO ĐỨC NGƯỜI KHMER TỈNH TRÀ VINH

Tóm tắt: Hầu hết người Khmer Nam Bộ nói chung, người Khmer Trà Vinh nói riêng theo Phật giáo Nam tông. Chính vì vậy, tôn giáo này có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng và đạo đức của người Khmer. Bài viết lý giải căn nguyên của ảnh hưởng đó, đồng thời nêu lên một số quan điểm trong việc phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực liên quan đến vấn đề này.

Từ khóa: Phật giáo, Nam tông, người Khmer, Trà Vinh.

1. Việc tu học và hành đạo của sư sãi Khmer ở Trà Vinh

Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981. Phật giáo Nam tông Khmer là thành viên sáng lập của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ở Trà Vinh, bên cạnh các tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (cấp tỉnh có Ban Trị sự, cấp huyện có Ban Đại diện) còn có Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước cấp tỉnh và cấp huyện. Đoàn thể Phật giáo này được thành lập và hoạt động từ thời kháng chiến chống Mỹ đến ngày nay.

Theo số liệu thống kê của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam¹, Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ có 462 ngôi chùa với 7.544 nhà sư. Trà Vinh là địa phương có số lượng ngôi chùa và tăng sĩ Khmer nhiều nhất so với các tỉnh thành Nam Bộ (141 chùa, 3.263 sư; bình quân mỗi chùa có 23 sư).

Thấm nhuần tư tưởng, đạo đức Phật giáo, sư sãi Khmer Trà Vinh chú trọng phát triển giáo pháp nhà Phật trong cộng đồng tộc người này. Tư tưởng Trung đạo, việc hành trì Bát chính đạo, Giới - Định - Tuệ của Phật giáo có nhiều điều phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang xây dựng. Ngày nay, sư sãi Khmer Trà Vinh không những thường xuyên giảng pháp, mà còn tuyên truyền, cổ vũ cộng

* Nghiên cứu sinh Khoa Triết học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đồng người Khmer trên địa bàn thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Nhiều chùa Khmer tích cực tổ chức các hoạt động từ thiện xã hội để giúp đỡ đồng bào gặp khó khăn như: vận động y sĩ, bác sĩ khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho bệnh nhân nghèo; cấp phát sách vở, học bổng cho học sinh nghèo; chăm sóc người già không nơi nương tựa, nuôi trẻ mồ côi, v.v... Không ít chùa chủ động tăng gia sản xuất tạo thêm nguồn thu nhập để giảm bớt sự đóng góp của Phật tử; tổ chức dạy nghề, tạo việc làm cho người dân trong phum sóc.

Bên cạnh đó, việc tu học của sư sãi Khmer Trà Vinh hiện nay đã có những chuyển biến mới thích ứng với xã hội hiện đại. Song song với việc tu học ở chùa, nhiều nhà sư còn tham gia học ngoại ngữ, tin học, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học. Một số vị thậm chí còn tham gia các chương trình khuyến nông, khuyến ngư; nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Điều này giúp cho họ có kiến thức tham gia sản xuất ở chùa; hướng dẫn, động viên Phật tử trong phum sóc cải tiến tăng gia sản xuất; trang bị kiến thức cho các vị sư để khi hoàn tục có thể hòa nhập nhanh chóng vào cuộc sống của cộng đồng và xã hội. Nói cách khác, đó là một sự chuẩn bị sẵn sàng cho tương lai mang ý nghĩa năng động và tích cực.

Biểu hiện sinh động nói trên cho thấy tư cách tu sĩ và tư cách công dân của nhà sư Khmer Trà Vinh hòa quyện chặt chẽ, làm cơ sở cho việc thực hiện phương châm tốt đời, đẹp đạo. Đặc biệt, biến chuyển đó làm cho Phật giáo Nam tông hòa nhập tốt hơn với cuộc sống hiện đại, giá trị của tôn giáo này tỏa sáng hơn trong lòng người Khmer, hòa quyện với lý tưởng xã hội tốt đẹp mà đường lối văn hóa của Đảng đề ra.

Từ lâu, việc vào chùa tu học của thanh thiếu niên Khmer trở thành truyền thống. Tuy nhiên, có nhà khoa học nhận định: “Số lượng thanh niên xuất gia ngày càng ít đi và nhất là bà con Khmer dần dần nhận ra người không xuất gia cũng là người có đạo đức nếu được giáo dục đầy đủ và sinh sống trong một môi trường tốt”².

Nhận định nêu trên đặt ra hai vấn đề đáng quan tâm. Trước hết, “số lượng thanh niên xuất gia ngày càng ít đi” có phần đúng với thực tế, nhưng cũng cần khảo sát lại cho thỏa đáng hơn. Bởi lẽ, thời gian tu học của sư sãi Khmer không bắt buộc. Họ có thể tu học vài ngày, vài tháng hoặc vài năm rồi hoàn tục. Do đó, lấy sự hiện diện của số sư sãi Khmer trong chùa ở một thời điểm nào đó để đánh giá hiện trạng tu hành tăng

hay giảm sẽ không tránh khỏi phiền diện. Nói cách khác, số lượng sư sãi Khmer trong mỗi chùa chưa thể xem là số liệu thống kê chính xác, vì nó chưa phản ánh thực chất tu học của thanh thiếu niên tộc người này. Chính vì sự khó khăn trong việc thống kê, có thể còn do tiêu chí xác định tu sĩ chưa được rõ hoặc thời gian tu bao lâu, mà việc cấp *Giấy chứng nhận tu sĩ* cho sư sãi Khmer hiện nay không dễ thực hiện.

Còn về nhận định “bà con Khmer dần dần nhận ra người không xuất gia cũng là người có đạo đức nếu được giáo dục đầy đủ và sinh sống trong một môi trường tốt”. Thực tế cho thấy, trước sự tiến bộ xã hội hiện nay, đại bộ phận thanh thiếu niên, bất luận là dân tộc thiểu số hay dân tộc đa số, đều hướng đến cuộc sống hiện đại. Với hệ thống giáo dục các cấp được mở rộng, việc học tập ở các trường phổ thông đối với thanh thiếu niên được luật hóa, nên việc đi học trong độ tuổi này là yêu cầu bắt buộc. Người nghèo cũng luôn được các cấp chính quyền tạo điều kiện đi học. Rất nhiều trường hợp học sinh bỏ học được thầy cô giáo và các đoàn thể vận động, tạo điều kiện cho các em trở lại lớp.

Đến nay, Trà Vinh đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Địa phương này đã tổ chức chương trình kiên cố hóa trường lớp và nhà công vụ cho giáo viên. Trong vùng đông đồng bào Khmer có trên 78% phòng học kiên cố, gần 90% xã có trường học mẫu giáo. Toàn tỉnh Trà Vinh có 55.375 học sinh Khmer, chiếm 30,31% tổng số học sinh (tỷ lệ này gần tương ứng với tỷ lệ dân số Khmer so với dân số toàn tỉnh là 31,51%). Hệ thống Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh, huyện được đầu tư khá hoàn chỉnh: một trường cấp tỉnh và sáu trường cấp huyện với trên 1.600 học sinh. Đảng và Nhà nước đã thực hiện tốt chính sách đối với học sinh, sinh viên Khmer như: cử tuyển, xét tuyển, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn, miễn học phí và các khoản đóng góp khác cho học sinh thuộc diện hộ nghèo. Nếu như năm 1992, bình quân chín người Khmer mới có một người đi học, thì nay bốn người có một người đi học. Bên cạnh đó, số giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục người Khmer tăng cao. Toàn tỉnh Trà Vinh hiện có 11.474 giáo viên, trong đó có 2.383 giáo viên người Khmer, chiếm tỷ lệ 20,76%; 108/1.060 cán bộ quản lý giáo dục, chiếm tỷ lệ 10,2%. Những con số trên cho thấy: “Đồng bào Khmer đã có sự thay đổi lớn về nhận thức. Người Khmer bây giờ gặp nhau hay hỏi con anh học lớp mấy, ra nghề chưa, thay vì hỏi con anh đi tu chưa như ngày trước”³.

2. Tư tưởng và đạo đức của Phật tử Khmer ở Trà Vinh

Giữ giới (Ngũ giới, Bát quan trai giới, Thập thiện giới) là điều kiện cần thiết để có được đời sống trong lành, hiền thiện cho Phật tử. Bên cạnh việc trì giới, Phật tử còn phải thực hiện việc dâng cúng/ bố thí vật phẩm cho tăng sĩ đi khát thực. Bố thí là pháp đứng đầu của Phật tử tại gia (bố thí, trì giới, tham thiền). Đức Phật dạy: “Tiền bạc mà người cư sĩ có được nên chia làm ba phần: (1). Một phần chính, quan trọng là để đầu tư tái sản xuất hoặc để dành vốn liếng tiếp tục công việc làm ăn. Phần này nhiều nhất; (2). Một phần dùng vào chi phí ăn ở, sinh hoạt gia đình, lo cho cha mẹ, con cái học hành... Phần này nên vừa phải, chừng mực, tri túc; (3). Một phần là để dành, có thể chia ra nhiều mục khác nhau: để dành vĩnh viễn, chi dùng khi cơ nhỡ, bất trắc, rủi ro; giúp đỡ bà con, quyến thuộc, bên nội cũng như bên ngoại; dùng khi tai nạn, ốm đau; cúng dường đến Tam bảo; giúp đỡ người nghèo khổ”⁴.

Mặt khác, Phật tử còn được chỉ dẫn việc cư xử giữa người với người, thực hiện bốn phận của bản thân với một số quan hệ xã hội. Nội dung này thể hiện qua câu chuyện Đức Phật dạy bài học luân lý cho một thanh niên Bà La Môn tên Singālaka với nội dung cơ bản như sau: Một cư sĩ cao thượng phải loại trừ mười bốn ác hại gồm: bốn ác hại trong hành động là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo; bốn động cơ hành động xấu là tham dục, sân hận, ngu si, sợ hãi; sáu cách làm tiêu hao tài sản là rượu chè, la cà ngoài đường phố, ham mê ca kỹ, cờ bạc, giao du với kẻ xấu, lười biếng. Bên cạnh đó, cư sĩ phải lễ bái sáu phương: Đông, Tây, Nam, Bắc và Trên, Dưới. Bởi lẽ, mỗi phương tiêu biểu cho một đối tượng đáng trân trọng: Phương Đông chỉ cha mẹ, Phương Nam chỉ bậc thầy, Phương Tây chỉ vợ con (chồng con), Phương Bắc chỉ bạn bè, Phương Dưới chỉ người giúp việc, Phương Trên chỉ tu sĩ⁵.

Do hầu hết người Khmer theo Phật giáo Nam tông, nên họ tự xem mình là Phật tử. Theo số liệu thống kê của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, số lượng Phật tử Khmer ở Trà Vinh là 305.000 người⁶, gần bằng tổng dân số Khmer trong toàn tỉnh. Đây là một nét đặc thù quan trọng về quan hệ tôn giáo và dân tộc. Điều này cho thấy nhiều vấn đề tôn giáo liên quan đến vấn đề dân tộc và ngược lại.

Những điều hành trì của Phật tử Khmer cho thấy tư tưởng, đạo đức Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc đến tộc người này. Ảnh hưởng ấy biểu hiện rõ rệt qua cách suy nghĩ và hành động hằng ngày của người

Khmer. Trong phum sóc, người Khmer sống gần bó, thương yêu, giúp đỡ nhau khi hữu sự. Cuộc sống của họ rất trọng tình cảm, cởi mở, vị tha theo triết lý từ bi, hỷ xả. Những giá trị đạo đức Phật giáo ấy có nhiều mặt phù hợp với nội dung đạo đức mà Đảng ta đề ra đó là lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống.

Ngoài ra, người Khmer Trà Vinh thường tổ chức các lễ hội nông nghiệp, lễ hội Phật giáo, bố thí, giúp đỡ người nghèo... Đặc biệt, họ rất sẵn sàng đóng góp của cải, tiền bạc để xây dựng, tu sửa chùa chiền. Dù đời sống còn khó khăn, họ vẫn rất nhiệt tâm ủng hộ Phật giáo với mong mỏi tích được nhiều phúc đức để gia đình, con cháu, họ hàng có cuộc sống yên ổn, hạnh phúc. Họ luôn kính trọng, sẵn sàng dâng cơm cho sư sãi đi khát thực, cúng vật phẩm cho chùa nhân ngày lễ hội Phật giáo. Đối với các vị sư sau khi trở về cuộc sống đời thường, họ nhanh chóng hòa nhập với xã hội, thực hiện nghĩa vụ công dân, đồng thời vẫn duy trì mối quan hệ với ngôi chùa ở phương diện là một Phật tử. Có thể nói, trong cộng đồng người Khmer, hai yếu tố đạo và đời luôn hòa quyện tốt đẹp. Tuy nhiên, Phật giáo cũng góp phần làm cho người Khmer có tâm lý yên phận, ít cạnh tranh, coi cuộc sống chỉ là tạm bợ.

3. Ảnh hưởng Phật giáo Nam tông đối với tư tưởng và đạo đức người Khmer ở Trà Vinh

Tư tưởng, đạo đức Phật giáo có nhiều điểm tương đồng, tiệm cận trong chừng mực nhất định, đồng thời có những điểm khác biệt so với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chuẩn mực đạo đức mà Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng xây dựng.

Về sự giải phóng con người: Từ lâu, khát vọng vượt qua khổ đau của cuộc sống để vươn tới tự do, hạnh phúc là điều chính đáng, đậm chất nhân văn của mọi học thuyết trong xã hội. Tuy nhiên, con đường đi đến mục đích cao cả ấy của các học thuyết thì khác nhau. Đối với Phật giáo, thực hiện mục đích giải thoát xuất phát từ sự khai phóng những năng lực tâm linh ngay trong tâm thức của con người theo hướng duy cảm, hướng nội. Mỗi cá nhân tự ý thức vô ngã (hữu ngã - đối với Phật giáo Nguyên thủy), nhận biết duyên khởi, mọi hành động sẽ tạo ra biệt nghiệp và nhận quả báo do chính mình gây ra. Từ đó, Phật giáo kêu gọi con người từ bỏ tham, sân, si, hướng thiện với tinh thần bất bạo động.

Trong khi đó, chủ nghĩa Mác - Lênin thực hiện tư tưởng giải phóng con người bằng con đường chinh phục tự nhiên và chống áp bức xã hội theo hướng duy lý, hướng ngoại. Với quan điểm “lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất”, từ đó phải thực hiện con đường cách mạng xã hội theo lý tưởng của giai cấp vô sản.

Về tư tưởng bình đẳng, vô thần: Đạo đức Phật giáo thể hiện rõ nét tinh thần chống lại chế độ phân chia giai cấp bất bình đẳng của xã hội (Ấn Độ thời Cổ đại dưới sự thống trị của Bà La Môn giáo), công nhận quyền bình đẳng giữa con người với con người. Đồng thời, thuyết Duyên khởi, thuyết Nhân quả... của Phật giáo thể hiện tư tưởng vô thần (phản đối thuyết Thượng Đế tạo vật).

Đạo đức theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin là xác lập các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù, trong đó có cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả; xác lập tư tưởng vô thần; xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Một số chuẩn mực đạo đức thể hiện qua điều cấm và khuyến thiện: Đạo đức Phật giáo biểu hiện bằng các giới luật, tiêu biểu là Ngũ giới (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu). Giới luật của Phật giáo đưa ra vừa nhằm ngăn cấm những điều ác vừa định hướng thực hiện những điều thiện. Việc định ra những giới luật này có nguồn gốc từ thực tiễn. Đó là khi Tăng đoàn Phật giáo phát triển và trải qua thời gian dài đã xuất hiện những điều có nguy cơ phân rã, tổn hại đến uy tín của giáo đoàn. Cho nên, Đức Phật đã chế định ra giới luật (sau này được tập hợp thành *Luật tạng*) để ngăn cấm những điều không tốt xảy ra trong quá trình tu tập và hoằng pháp của Tăng đoàn. Như vậy, đạo đức Phật giáo bắt nguồn từ hiện thực của cuộc sống, từ nhu cầu và lợi ích của chúng sinh, từ sự tồn vong của Phật pháp. Trong thực tiễn, những chuẩn mực ấy có sức sống mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu sắc vào tư tưởng, đạo đức của tín đồ Phật giáo nói riêng, của nhân loại nói chung.

Tư tưởng đạo đức của Phật giáo trong lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung, trong cộng đồng người Khmer ở Trà Vinh nói riêng có sự ảnh hưởng sâu đậm trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong tín đồ Phật giáo. Trong đó, nhiều yếu tố của Phật giáo giao thoa với yếu tố dân tộc bản địa trở thành đạo đức truyền thống như không giết người, không trộm cắp, không quan hệ bất chính, không vu khống, không rượu chè bê tha;

sống với nhau có tình nghĩa, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau; an cư lạc nghiệp, nhất nhệ tinh nhất thân vinh, v.v...

Ngày nay, vấn đề đặt ra là việc xây dựng nền đạo đức mới ở Việt Nam hiện nay phải chặt lọc và phát huy những yếu tố tích cực, đồng thời nhận ra và khắc phục những yếu tố hạn chế của đạo đức truyền thống, trong đó có đạo đức Phật giáo. Việc xây dựng đạo đức xã hội trong quá khứ, hiện tại và tương lai đều phải xuất phát từ thực tiễn cuộc sống. Đó là phải phát huy những chuẩn mực đạo đức truyền thống tốt đẹp, tiếp biến những tinh hoa văn hóa đạo đức của nhân loại để xây dựng nền đạo đức vừa mang tính dân tộc vừa có những phẩm chất mới phù hợp với thế giới hiện đại, phục vụ cho mục tiêu vì hòa bình, ổn định và hội nhập quốc tế.

Nội dung chuẩn mực đạo đức hiện đại mà Đảng ta đang xây dựng là định hướng con người có lối sống lành mạnh, văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, khoan dung, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội... Đối với tín đồ Phật giáo, cần phát huy đức tính từ, bi, hỷ, xả để tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống vật chất và tinh thần ngày càng phát triển.

Những vấn đề có tính đan xen giữa mặt tích cực và mặt hạn chế của đạo đức Phật giáo thể hiện ở một số nội dung sau đây:

Sự mâu thuẫn trong triết lý Phật giáo và sự thích ứng với yêu cầu phát triển của xã hội: Phật giáo đề cao con người, cho con người thấy được năng lực, phẩm giá của mình. Con người có thể tự thân tu tập đạt đến giải thoát mà không cần dựa vào một đấng thần linh nào cả. Tuy nhiên, trong Khổ đế, Đức Phật cho rằng, sinh là khổ. Vậy muốn diệt khổ suy đến cùng là phải diệt dục, diệt sinh. Sự chấm dứt tái sinh được xem là thành công của con đường giải thoát. Đây là điều trái với lẽ tự nhiên của đời sống. Hơn nữa, Phật giáo Nguyên thủy đi từ lập trường vô ngã đến lập trường hữu ngã; thừa nhận cái ngã tồn tại thực sự, cái ngã ấy đáng sợ, đó là thân bất tịnh; từ đó quyết tâm phủ định cái ngã để giải thoát bằng con đường xuất gia đi tu để đạt đến Niết Bàn. Lý tưởng về Niết Bàn là lý tưởng của Phật giáo, song cơ bản vẫn muốn con người đạt đến hạnh phúc tuyệt đối.

Thực tiễn đời sống cộng đồng Khmer Trà Vinh, việc đi tu tuy trở thành truyền thống, nhưng lý do đi tu không hẳn còn nguyên gốc như triết lý nói trên (tất nhiên trong chừng mực nhất định, tư tưởng ấy vẫn gắn bó với các bậc chân tu suốt đời vì đạo pháp). Bởi lẽ, trong suy nghĩ của nhiều Phật tử Khmer, đi tu không phải để thành Phật, mà là để thành người có phẩm cách theo quan niệm của họ. Thanh thiếu niên Khmer đi tu thường để được học đạo lý, học chữ, rèn luyện đạo đức, đồng thời để báo hiếu cha mẹ, tích phúc cho bản thân. Việc này thể hiện rõ trong định chế của việc tu học rất cởi mở. Người Khmer đi tu bất luận thời gian dài hay ngắn đều được. Nhiều trường hợp đi tu vài tháng, vài năm lại trở về cuộc sống đời thường, hòa nhập với cộng đồng. Điều này cho thấy sự thích ứng của Phật giáo với yêu cầu phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, nhiều trường hợp thanh thiếu niên Khmer ngày nay tuy tự nhận theo Phật giáo, nhưng không đi tu mà tham gia học tập ở trường phổ thông, trường dạy nghề và các trường khác trong hệ thống giáo dục của quốc gia, trở thành công dân hữu ích cho xã hội.

Như vậy, giữa tôn giáo và khoa học hiện đại có những yếu tố khác biệt và yếu tố tương đồng nhất định. Vấn đề đặt ra là cần tôn trọng sự khác biệt, nhất là sự khác biệt về nhận thức; đồng thời phát huy yếu tố tương đồng, nhất là sự tương đồng giữa lý tưởng tôn giáo và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, giữa lợi ích của các tổ chức tôn giáo với lợi ích quốc gia dân tộc. Thực hiện tốt điều này sẽ góp phần động viên được tín đồ tôn giáo thực hiện tốt phương châm tốt đời, đẹp đạo.

Về tư tưởng cấm sát sinh: Giới luật Phật giáo cấm sát sinh, nhất là không được giết người. Đây là tư tưởng đạo đức mang tính nhân văn cao cả. Tuy nhiên, thực tiễn xã hội Việt Nam cho thấy, trong lịch sử dựng nước và giữ nước đã xuất hiện những tình huống không thể khác được. Đó là khi đất nước bị xâm lược, dân tộc bị nô dịch thậm chí bị sát hại bởi ngoại bang. Trong tình huống chúng ta muốn nhân nhượng, nhưng kẻ thù luôn lấn tới để gây ra chiến tranh phi nghĩa, tàn khốc buộc chúng ta phải thực hiện chiến tranh chính nghĩa, giành lại độc lập tự do, giữ lấy mạng sống của muôn người. Từ khi có Đảng, được giáo dục lý tưởng cách mạng, Phật tử và sư sãi Khmer đã cùng nhân dân cả nước tích cực hưởng ứng cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước khỏi ách ngoại xâm.

Như vậy, có thể nói, dân tộc Việt Nam nói chung, cộng đồng người Khmer Trà Vinh nói riêng có truyền thống yêu nước từ lâu đời được lịch sử chứng minh. Điều này cho thấy, đạo đức mới cần phải tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, giải phóng dân tộc trong thời kỳ chiến tranh nâng lên thành tinh thần yêu nước trong giai đoạn hòa bình để xây dựng con người Việt Nam những đức tính tốt đẹp như: “Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”⁷. Từ đây, yêu cầu đặt ra với chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer là làm sao vận động Phật tử thực hiện tốt phương châm hành đạo là “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”.

4. Kết luận

Phật giáo Nam tông từ lâu được người Khmer Nam Bộ nói chung, người Khmer Trà Vinh nói riêng xem là tôn giáo của dân tộc. Đạo đức Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng và đạo đức của người Khmer, nhất là đối với những người xuất gia tu hành. Đạo đức Phật giáo có những điểm tương đồng, tiệm cận với chuẩn mực đạo đức mới; có những nội dung đan xen giữa mặt tích cực và mặt hạn chế, đồng thời có cả những yếu tố khác biệt. Vấn đề đặt ra là phải có phương hướng hành xử đúng đắn đối với các vấn đề nói trên. Những nội dung khác biệt thì nên tôn trọng và không tranh biện; yếu tố tương đồng thì trân trọng và phát huy; đồng thời có giải pháp giảm thiểu những mặt hạn chế./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2012), *Tài liệu Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V*, Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam ấn hành.
- 2 Trần Văn Bính (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 225.
- 3 Nhận xét của một cán bộ cấp tỉnh, người Khmer, ở Trà Vinh.
- 4 Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2008), *Sử Phật giáo thế giới, Ấn Độ - Trung Quốc*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 157.
- 5 Thích Minh Châu dịch (2013), *Kinh Trường Bộ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 621 - 631.
- 6 Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2012), *Tài liệu Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V*, tldd.
- 7 Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 58 - 59.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2008), *Sử Phật giáo thế giới, Ấn Độ - Trung Quốc*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
2. Trần Văn Bính (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ: thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Thích Minh Châu dịch (2000), *Kinh Pháp Cú*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Thích Minh Châu dịch (2012), *Kinh Trung Bộ*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Thích Minh Châu dịch (2013), *Kinh Trường Bộ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính Trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Duy Hình, Lê Đức Hạnh (2011), *Phật giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
8. Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2012), *Tài liệu Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V*, Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam ấn hành.
9. Thích Chơn Thiện (2008), *Tăng già thời Đức Phật*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract

**THE EFFECT OF THE THERAVADA BUDDHISM
ON THE THOUGHT AND MORALITY OF THE
KHMER PEOPLE IN TRA VINH PROVINCE**

Almost Khmer in the south of Vietnam in general and the Khmer in Trà Vinh in particular believe in the Theravada Buddhism. Therefore, this religion has a large effect on the thought and morality of the Khmer. This article explained the causes of this effect and simultaneously proposed some views on promoting the positive aspects and limiting the negative aspects.

Key words: Theravada, Khmer people, Trà Vinh.